

Số: **1565**/QĐ-ĐHNL-HSSV

Thái Nguyên, ngày **30** tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc trợ cấp xã hội học kỳ I, năm học 2015-2016
cho sinh viên khóa 47 hệ chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ vào Quy chế tổ chức hoạt động của Đại học vùng và cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành kèm theo Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 28/8/1998, Quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ V/v điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào kết quả của Hội đồng xét trợ cấp xã hội kỳ I, 2015-2016 trường Đại học Nông Lâm họp ngày 26/11/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp trợ cấp xã hội học kỳ I, năm học 2015-2016 cho **276** sv khóa 47 thuộc đối tượng SV là dân tộc thiểu số có hộ khẩu ở vùng đặc biệt khó khăn, mồ côi cả cha lẫn mẹ, hộ nghèo trong đó:

- Khu vực ĐBKK: $267 \text{ sv} \times 140.000 \times 5 \text{ tháng} = 186.900.000đ$
- Con mồ côi: $03 \text{ sv} \times 100.000 \times 5 \text{ tháng} = 1.500.000đ$
- Hộ nghèo: $06 \text{ sv} \times 100.000 \times 4 \text{ tháng} = 2.400.000đ$

Tổng số tiền: 190.800.000đ

Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn
(có danh sách và mức tiền cụ thể gửi kèm)

Điều 2: - Khu vực ĐBKK, con mồ côi cấp từ tháng 9 năm 2015 đến hết tháng 1 năm 2016;
- Hộ nghèo cấp từ tháng 9 năm 2015 đến hết tháng 12 năm 2015;

Điều 3: Các Ông (bà) Trưởng các phòng: Công tác HSSV, KH-TC, Trưởng các khoa có liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *KL*

Nơi nhận:

- ĐHTN (B/c);
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu CT HSSV.

HIỆU TRƯỞNG



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Trần Huê Viên

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 47 HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI
TỪ KỲ I, NĂM HỌC 2015-2016**

(Kèm theo Quyết định số: 1565/QĐ-ĐHNL-HSSV ngày 30 tháng 11 năm 2015)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
1	DTN15530A0012	Vàng A Chư	20/01/1995	47A-CNTY	Mông	ĐBKK	140,000	Sín Chải, Tòa Chùa Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
2	DTN15530A0024	La Thị Diễm	04/09/1996	47A-CNTY	Tày	ĐBKK	140,000	Bộc Bó, Pác Nặm Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
3	DTN15530A0149	Cháng Văn Bằng	21/02/1996	47A-CNTY	Nùng	ĐBKK	140,000	Chế Là- Xín Mần Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
4	DTN15530A0133	Sèn Quốc Việt	01/09/1996	47B-CNTY	Nùng	ĐBKK	140,000	Đản Van, Hoàng Su Phi Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
5	DTN15530A0070	Tổng Văn Lý	13/03/1996	47C-TY	Thái	ĐBKK	140,000	Mường Tè, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
6	DTN1553040051	Trần Thùy Mơ	10/01/1997	47A-CNTY	Cao Lan	ĐBKK	140,000	Minh Thanh, Sơn Dương Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
7	DTN1553040169	Bàn Thị Linh	20/10/1997	47A-CNTY	Dao	ĐBKK	140,000	Thượng Ân, Ngân Sơn Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
8	DTN1553040134	Bùi Thị Hân	15/03/1996	47A-CNTY	Mường	ĐBKK	140,000	Phú Cường, Tân Lạc Hòa Bình	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
9	DTN1553040047	Nông Phương Loan	08/01/1997	47A-CNTY	Nùng	ĐBKK	140,000	Hồng Định, Quảng Uyên Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
10	DTN1553040026	Hoàng Thị Hoa	08/11/1997	47A-CNTY	Nùng	ĐBKK	140,000	Thượng Hà, Bảo Lạc Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
11	DTN15530A0123	Dương Đức Tiệp	02/06/1996	47A-CNTY	Nùng	ĐBKK	140,000	Tổng Cột, Hà Giang Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
12	DTN1553040119	Sầm Minh Hiếu	27/12/1994	47A-CNTY	Nùng	ĐBKK	140,000	Lạng San, Na Rì Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
13	DTN1553040028	Đàm Hương Hoài	13/04/1997	47A-CNTY	Tày	ĐBKK	140,000	Quang Trọng, Thạch An Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
14	DTN1553040030	Dương Văn Hoàn	27/08/1996	47A-CNTY	Tày	ĐBKK	140,000	Thanh Tương, Na Hang Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
15	DTN1553040146	Hoàng Thị Hồng Sâm	23/08/1997	47A-CNTY	Tày	ĐBKK	140,000	Xuân Hòa, Bảo Yên Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
16	DTN1553040131	Nông Thị Hôn	15/12/1996	47A-CNTY	Tày	ĐBKK	140,000	Ngọc Chấn, Yên Bình Yên Bái	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
17	DTN1553040130	Lê Thị Phụng	01/12/1996	47A-CNTY	Tày	ĐBKK	140,000	Vân Hội, Chấn Yên Yên Bái	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
18	DTN15530A0109	Cà Văn Tể	05/01/1996	47A-CNTY	Tày	ĐBKk	140,000	Xuân La, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
19	DTN1553040123	Hà Thị Hồng	25/06/1997	47A-CNTY	Thái	ĐBKk	140,000	Chiền Khừa, Mộc Châu Sơn La	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
20	DTN1553050289	Dương Thị Xoan	10/10/1997	47A-TY	Dao	ĐBKk	140,000	TT Yên Thế, Lục Yên Yên Bái	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
21	DTN1553050042	Triệu Thị Điệp	21/06/1997	47A-TY	Nùng	ĐBKk	140,000	Hồng Quang, Quảng Uyên Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
22	DTN1553050053	Hà Văn Hai	06/08/1997	47A-TY	Thái	ĐBKk	140,000	Mường Tè, Vân Hồ Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
23	DTN1553050276	Lưu Anh Tuấn	03/01/1997	47A-TY	Kinh	Mồ côi	100,000	Hồng Tiến, Phổ Yên Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
24	DTN15530A0015	Triệu Thị Chúng	14/09/1993	47B-CNTY	Dao	ĐBKk	140,000	Công Bằng, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
25	DTN1553040062	Thào A Sớ	05/08/1997	47B-CNTY	Mông	ĐBKk	140,000	Sam Kha, Sốp Cộp Sơn La	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
26	DTN1553040083	Phùng Đức Tùng	24/09/1997	47B-CNTY	Nùng	ĐBKk	140,000	Đồng Thịnh, Định Hóa Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
27	DTN1553040037	Bế Hồng Huy	10/11/1997	47B-CNTY	Nùng	ĐBKk	140,000	Bản Ngoại, Đại Từ Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
28	DTN1553040003	Nông Văn Anh	20/04/1997	47B-CNTY	Tày	ĐBKk	140,000	Thượng Hà, Bảo Lạc Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
29	DTN1553040024	Triệu Thị Hiền	06/11/1997	47B-CNTY	Tày	ĐBKk	140,000	La Bằng, Đại Từ Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
30	DTN15530A0132	Phùng Thị Vị	14/09/1996	47B-CNTY	Tày	ĐBKk	140,000	Xuân Tiến, Na Hang Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
31	DTN1553040015	Cà Thị Đi	06/01/1997	47B-CNTY	Thái	ĐBKk	140,000	Mường Mún, Tuần Giáo Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
32	DTN15530A0170	Lầu A Dếnh	13/12/1995	47B-CNTY	Mông	ĐBKk	140,000	Phí Nhừ, Điện Biên Đông Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
33	DTN1553050103	Nguyễn Sơn Hưng	08/01/1997	47B-TY	Khơ Me	ĐBKk	140,000	TT Tà Lùng, Phúc Hòa Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
34	DTN1553050017	Triệu Thị Châm	04/05/1997	47C-TY	Dao	ĐBKk	140,000	Địch Quả, Thanh Sơn Phú Thọ	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
35	DTN1553050198	Giàng Seo Quang	06/06/1997	47C-TY	Mông	ĐBKk	140,000	Hoàng Thu Phố, Bắc Hà Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
36	DTN15530A0162	Phàng A Tinh	20/10/1995	47C-TY	Mông	ĐBKk	140,000	Bản Công, Trạm Tấu Yên Bái	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
37	DTN1553050117	Ngọc Thị Thanh	14/01/1997	47C-TY	Mường	ĐBKk	140,000	Thượng Long, Yên Lập Phú Thọ	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
38	DTN1553050066	Trần Thị Hồng Hạnh	23/09/1996	47C-TY	Tày	ĐBKK	140,000	Minh Khai, Thạch An Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
39	DTN1553050132	Lục Thị Lệ	13/02/1997	47C-TY	Tày	ĐBKK	140,000	Quang Trung, Trà Lĩnh Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
40	DTN1553050157	Đặng Thị Mái	18/06/1996	47C-TY	Tày	ĐBKK	140,000	Tân Bắc, Quang Bình Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
41	DTN1553050239	Lương Thị Minh Thuận	20/05/1997	47C-TY	Tày	ĐBKK	140,000	Phan Thanh, Lục Yên Yên Bái	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
42	DTN1553050181	Hoàng Thị Nhíp	10/12/1997	47C-TY	Tày	ĐBKK	140,000	Quảng Nguyên, Xín Mần Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
43	DTN1553050152	Ma Thị Ly	16/02/1997	47C-TY	Tày	ĐBKK	140,000	Hợp Thành, Phú Lương Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
44	DTN15530A0037	Lò Thị Kim Hằng	12/10/1996	47C-TY	Thái	ĐBKK	140,000	Ảng Tở, Tuần Giáo Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
45	DTN1553050087	Quảng Thị Hoa	02/02/1997	47C-TY	Thái	ĐBKK	140,000	Mường Báng, Tủa Chùa Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
46	DTN1553050023	Ma Tiến Công	23/08/1996	47D-TY	Tày	ĐBKK	140,000	Phú Đình, Định Hoá Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
47	DTN1553050041	Hứa Thị Điềm	06/06/1997	47D-TY	Tày	ĐBKK	140,000	Đình Phong, Trùng Khánh Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	CNTY
48	DTN16530A0006	Khoảng Văn Dương	05/07/1997	47-30AN01.	Cống	ĐBKK	140,000	Nậm Khao, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
49	DTN16530A0082	Hù Văn Ngoan	12/10/1995	47-30AN01.	Cống	ĐBKK	140,000	Nậm Kè, Mường Nhé Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
50	DTN16530A0074	Phản Thị Ngọc	01/10/1994	47-30AN01.	Dao	ĐBKK	140,000	Nậm Ty, Hoàng Su Phì Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
51	DTN16530A0088	Châu Văn Biên	19/02/1997	47-30AN01.	Giáy	ĐBKK	140,000	Niêm Sơn, Mèo Vạc Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
52	DTN16530A0068	Lùng Thị Lư	09/07/1997	47-30AN01.	Kháng	ĐBKK	140,000	Quảng Lâm, Mường Nhé Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
53	DTN16530A0086	Lầu Pó Chua	11/09/1997	47-30AN01.	Mông	ĐBKK	140,000	Pú Hồng, Điện Biên Đông Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
54	DTN16530A0057	Giàng Thị Chư	03/10/1997	47-30AN01.	Mông	ĐBKK	140,000	Lùng Cải, Bắc Hà Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
55	DTN16530A0064	Ly Mí Chử	18/11/1995	47-30AN01.	Mông	ĐBKK	140,000	TT Mèo Vạc, Mèo Vạc Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
56	DTN16530A0096	Tráng A Dơ	06/06/1997	47-30AN01.	Mông	ĐBKK	140,000	Khánh Yên Hạ, Văn Bàn Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
57	DTN16530A0076	Hồ A Lan	11/03/1993	47-30AN01.	Mông	ĐBKK	140,000	Huổi Lèng, Mường Chà Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
58	DTN16530A0093	Vàng Mí Lữ	25/11/1997	47-30AN01.	Mông	ĐBKK	140,000	TT Mèo Vạc, Mèo Vạc Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
59	DTN16530A0094	Giàng Seo Mùa	05/05/1997	47-30AN01.	Mông	ĐBKK	140,000	Hoàng Thu Phố, Bắc Hà Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
60	DTN16530A0077	Sùng Seo Phổng	07/01/1997	47-30AN01.	Mông	ĐBKK	140,000	Hoàng Thu Phố, Bắc Hà Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
61	DTN16530A0025	Tần Thị Sin	14/07/1996	47-30AN01.	Mông	ĐBKK	140,000	Tả Van Chư, Bắc Hà Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
62	DTN16530A0060	Giàng Thị Vàng	10/04/1997	47-30AN01.	Mông	ĐBKK	140,000	Tùng Vài, Quản Bạ Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
63	DTN16530A0063	Hoàng Văn Bàng	01/04/1995	47-30AN01.	Nùng	ĐBKK	140,000	Đức Long, Thạch An Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
64	DTN16530A0059	Mồ Dung Tuấn	06/06/1996	47-30AN01.	Nùng	ĐBKK	140,000	Nghĩa Thuận, Quản Bạ Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
65	DTN16530A0087	Cao Thúy Linh	20/07/1997	47-30AN01.	Nùng	ĐBKK	140,000	Quyết Tiến, Quản Bạ Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
66	DTN16530A0053	Lù Seo Tăng	16/11/1997	47-30AN01.	Nùng	ĐBKK	140,000	Thên Phàng, Xín Mần Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
67	DTN16530A0080	Vương Văn Thắng	23/06/1996	47-30AN01.	Nùng	ĐBKK	140,000	Bản Díu, Xín Mần Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
68	DTN16530A0058	Nguyễn Thị Minh	04/12/1997	47-30AN01.	Tày	ĐBKK	140,000	Xuân Lập-Lâm Bình Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
69	DTN16530A0073	Lương Hoài Nam	24/11/1997	47-30AN01.	Tày	ĐBKK	140,000	Dương Quỳ, Văn Bàn Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
70	DTN16530A0003	Nguyễn Trọng Thuận	17/03/1997	47-30AN01.	Tày	ĐBKK	140,000	TT Xuân Hòa, Hà Quảng Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
71	DTN16530A0066	Lường Văn Nguyên	04/09/1997	47-30AN01.	Thái	ĐBKK	140,000	Cà Nàng, Quỳnh Nhai Sơn La	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
72	DTN16530A0078	Đào Văn Quang	01/07/1996	47-30AN01.	Thái	ĐBKK	140,000	Bun Nưa, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
73	DTN16530A0065	Hoàng Văn Hưng	04/04/1996	47-30AN01.	Xuông	ĐBKK	140,000	Son Vĩ, Mèo Vạc Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
74	DTN16530A0061	Hạng A Cầu	07/03/1995	47-30AN01.	Mông	ĐBKK	140,000	Tả Xỉn Phàng, Tủa Chùa Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KHCB
75	DTN15530A0041	Lý Thị Hồ	10/05/1996	47A-KTNN	Dao	ĐBKK	140,000	Phúc Lộc, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
76	DTN15530A0077	Hoàng Thị Ngân	27/08/1996	47A-KTNN	Tày	ĐBKK	140,000	Quảng Uyên, Xín Mần Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
77	DTN15530A0101	Cà Thị Son	18/09/1996	47A-KTNN	Tày	ĐBKK	140,000	Thượng Giáo, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
78	DTN15530A0014	Dinh Thị Chúa	34.497,00	47A-PTNT	Mông	ĐBKK	140,000	Lũng Táo, Đồng Văn Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
79	DTN15530A0099	Ly Mí Say	20/03/1994	47B-KTNN	Mông	ĐBKK	140,000	Ngọc Long, Yên Minh Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
80	DTN15530A0054	Ngân Thị Hương	27/09/1996	47B-PTNT	Thái	ĐBKK	140,000	Yên Thắng, Lang Chánh Thanh Hóa	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
81	DTN15530A0075	Vàng Thị Mỹ	25/08/1993	47B-PTNT	Mông	ĐBKK	140,000	Phổ Bạng, Đồng Văn Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
82	DTN1554110068	Đàm Văn Thiên	12/12/1997	47A-KTNN	Cao Lan	ĐBKK	140,000	Đồng Quý, Sơn Dương Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
83	DTN1554110061	Chào Láo Tả	27/02/1997	47A-KTNN	Dao	ĐBKK	140,000	Bản Xèo, Bát Xát Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
84	DTN1554110108	Bùi Thị Vân Anh	06/08/1997	47A-KTNN	Nùng	ĐBKK	140,000	Thụy Hùng, Thạch An Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
85	DTN1554110040	Hà Thị Mơ	05/01/1997	47A-KTNN	Nùng	ĐBKK	140,000	Linh Hồ, Vị Xuyên Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
86	DTN15530A0086	Lý Thị Nương	02/07/1996	47A-KTNN	Tày	ĐBKK	140,000	Cao Tân, Pác Nặm Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
87	DTN1554110019	Trương Thị Hiên	16/08/1997	47A-KTNN	Tày	ĐBKK	140,000	Tụ Nhân, Hoàng Su Phì Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
88	DTN1554110113	Đinh Thị Huệ	17/02/1997	47A-KTNN	Tày	ĐBKK	140,000	Trung Phúc, Trùng Khánh Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
89	DTN15530A0125	Tổng Thị Trinh	10/04/1996	47A-KTNN	Thái	ĐBKK	140,000	TT. Mường Tè, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
90	DTN1554110110	Hà Văn Hiếu	07/09/1996	47A-KTNN	Thái	ĐBKK	140,000	Thành Sơn, Bá Thước Thanh Hóa	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
91	DTN1554110046	Lường Văn Nường	10/02/1997	47A-KTNN	Thái	ĐBKK	140,000	Mường Luân, Điện Biên Đông Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
92	DTN1554110056	Vừ A Sà	16/06/1996	47A-KTNN	Mông	ĐBKK	140,000	Long Hẹ, Thuận Châu Sơn La	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
93	DTN1558510032	Nguyễn Đức Mừng	16/11/1997	47A-KTNN	Kinh	Mồ côi	100,000	Thịnh Đán, TP TN Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
94	DTN1554140021	Triệu Mùi Khe	03/12/1996	47A-PTNT	Dao	ĐBKK	140,000	Bằng Phúc, Chợ Đồn Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
95	DTN15530A0182	Lý Mùi Mùi	03/12/1996	47A-PTNT	Dao	ĐBKK	140,000	Thông Nguyên, Hoàng Su Phì Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
96	DTN1554140095	Hoàng Thị Thêu	01/01/1997	47A-PTNT	Giáy	ĐBKK	140,000	Mậu Duệ, Yên Minh Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
97	DTN15530A0172	Thào A Dinh	15/06/1995	47A-PTNT	Mông	ĐBKK	140,000	TT Pác Miều, Bảo Lâm Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
98	DTN1554140105	Hoàng Huy Huân	09/03/1997	47A-PTNT	Nùng	ĐBK	140,000	Đức Thông, Thạch An Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
99	DTN15530A0059	Lý Thị Lan	25/08/1996	47A-PTNT	Nùng	ĐBK	140,000	Ngán Chiên, Xín Mần Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
100	DTN15530A0066	Vàng Thị Lùng	26/11/1996	47A-PTNT	Nùng	ĐBK	140,000	Nghĩa Thuận, Quản Bạ Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
101	DTN1554140054	Hoàng Thị Tới	25/01/1997	47A-PTNT	Nùng	ĐBK	140,000	Lưu Ngọc, Trà Lĩnh Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
102	DTN1554140060	Lâm Văn Vũ	02/07/1995	47A-PTNT	Nùng	ĐBK	140,000	La Bằng, Đại Từ Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
103	DTN1554140002	Đinh Thị Chi	04/04/1997	47A-PTNT	Tày	ĐBK	140,000	Vân Trinh, Thạch An Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
104	DTN1554140097	Hà Thị Hoa	16/08/1997	47A-PTNT	Tày	ĐBK	140,000	Trung Thành, Đò Bắc Hòa Bình	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
105	DTN1554140014	Lý Văn Hồ	27/02/1997	47A-PTNT	Tày	ĐBK	140,000	Văn Minh, Na Rì Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
106	DTN1554140032	Hoàng Thảo Nguyên	02/08/1997	47A-PTNT	Tày	ĐBK	140,000	Lam Sơn, Na Rì Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
107	DTN1554140048	Nông Thị Thân	25/01/1997	47A-PTNT	Tày	ĐBK	140,000	Mậu Duệ, Yên Minh Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
108	DTN1553070050	Đinh Thị Trang	15/01/1997	47A-PTNT	Tày	ĐBK	140,000	Trung Phúc, Trùng Khánh Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
109	DTN1554140062	Nông Thị Yển	24/05/1997	47A-PTNT	Tày	ĐBK	140,000	Trung Phúc, Trùng Khánh Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
110	DTN1554140004	Hà Văn Cường	16/05/1996	47A-PTNT	Thái	ĐBK	140,000	Lam Phú, Lang Chánh Thanh Hóa	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
111	DTN15530A0038	Mào Thị Hằng	28/07/1994	47A-PTNT	Thái	ĐBK	140,000	Mường Mô, Nậm Nhùn Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
112	DTN15530A0180	Thào A Phụng	20/05/1993	47A-PTNT	Mông	ĐBK	140,000	Trung Lý, Mường Lát Thanh Hóa	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
113	DTN15530A0116	Xin Thị Thiện	03/08/1995	47A-PTNT	Nùng	ĐBK	140,000	Thèn Phàng, Xín Mần Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
114	DTN15530A0103	Chèo Ứa Sơn	13/04/1996	47B-KTNN	Dao	ĐBK	140,000	Tả Phìn, Sìn Hồ Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
115	DTN1554140009	Thào Dừa	11/07/1997	47B-KTNN	Mông	ĐBK	140,000	Mường Khương, Mường Khương Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
116	DTN1554110057	Hạng A Sáy	11/12/1995	47B-KTNN	Mông	ĐBK	140,000	Mường Lạn, Sốp Lọ Sơn La	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
117	DTN1554110022	Hoàng Thị Hiền	28/09/1997	47B-KTNN	Nùng	ĐBK	140,000	Mỹ Hưng, Phục Hòa Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
118	DTN1554110041	Hoàng Văn Nghệ	06/08/1997	47B-KTNN	Nùng	ĐBK	140,000	Quang Trung, Bình Gia Lạng Sơn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
119	DTN1554110018	Bế Thị Hào	28/03/1997	47B-KTNN	Tày	ĐBK	140,000	Cao Chương, Trà Lĩnh Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
120	DTN1554110045	Nguyễn Thị Nhung	04/05/1997	47B-KTNN	Tày	ĐBK	140,000	Mậu Duệ, Yên Minh Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
121	DTN15530A0094	Hoàng Thị Phương	16/02/1996	47B-KTNN	Tày	ĐBK	140,000	Khuôn Hà, Na Hang Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
122	DTN1554110054	Nông Thị Quỳnh Hương	28/12/1997	47B-KTNN	Tày	ĐBK	140,000	Trọng Con, Thạch An Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
123	DTN1554110075	Hoàng Thị Thu Trang	27/05/1997	47B-KTNN	Tày	ĐBK	140,000	Khang Ninh, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
124	DTN15530A0153	Lý Thị Phương	03/08/1996	47B-KTNN	Thái	ĐBK	140,000	Bum Nưa, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
125	DTN15530A0174	Chang A Chinh	08/06/1992	47B-KTNN	Mông	ĐBK	140,000	Pa Khóa, Sìn Hồ Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
126	DTN15530A0079	Quảng Thị Nguyệt	08/12/1995	47B-KTNN	Thái	ĐBK	140,000	Mường Mô, Nậm Nhùn Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
127	DTN15530A0124	Trương Thị Trang	22/10/1996	47B-KTNN	Nùng	ĐBK	140,000	Cao Trĩ, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
128	DTN15530A0036	Cư A Giã	10/08/1996	47B-KTNN	Mông	ĐBK	140,000	Sín Chéng, Si Ma Cai Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
129	DTN15530A0011	Lồ Seo Chơ	15/05/1996	47B-KTNN	Mông	ĐBK	140,000	Nàn Sín, Si Ma Cai Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
130	DTN15530A0008	Giàng A Cáng	01/01/1995	47B-KTNN	Mông	ĐBK	140,000	Nà Hỳ, Nậm Pồ Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
131	DTN1554140001	Lý Nải Chấn	20/10/1997	47B-PTNT	Dao	ĐBK	140,000	Nà Hỳ, Nậm Pồ Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
132	DTN1554140015	Phản Thị Huệ	16/07/1997	47B-PTNT	Dao	ĐBK	140,000	Thuận Hòa, Vị Xuyên Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
133	DTN1554140063	Chảo Mùi Pú	27/10/1995	47B-PTNT	Dao	ĐBK	140,000	Nậm Kè, Mường Nhé Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
134	DTN1554140061	Triệu Tồn Xay	03/04/1997	47B-PTNT	Dao	ĐBK	140,000	Liêm Phú, Văn Bàn Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
135	DTN1554140055	Lò Văn Tới	13/08/1996	47B-PTNT	Lào	ĐBK	140,000	Phu Luông, Điện Biên Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
136	DTN1554140037	Hoàng Văn Pá	16/04/1996	47B-PTNT	Mông	ĐBK	140,000	Bằng Thành, Pác Nặm Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
137	DTN1554140038	Lý Văn Phòng	15/10/1995	47B-PTNT	Mông	ĐBK	140,000	Nam Mẫu, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
138	DTN1554140044	Vàng Mí Sèo	04/03/1996	47B-PTNT	Mông	ĐBKK	140,000	Phong Quang, Vị Xuyên Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
139	DTN1554140030	Cáo Thị Mây	16/08/1997	47B-PTNT	Nùng	ĐBKK	140,000	Ngán Chiên, Xín Mần Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
140	DTN15530A0122	Hoàng Hương Thủy	20/05/1996	47B-PTNT	Nùng	ĐBKK	140,000	Ngọc Động, Thông Nông Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
141	DTN1554140003	Nguyễn Văn Chiến	22/08/1997	47B-PTNT	Tày	ĐBKK	140,000	Du Già, Yên Minh Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
142	DTN1554140011	Nông Hồng Gấm	02/12/1997	47B-PTNT	Tày	ĐBKK	140,000	Quang Trung, Trà Lĩnh Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
143	DTN1554140064	Lương Thị Hằng	15/02/1997	47B-PTNT	Tày	ĐBKK	140,000	Tân Trịnh, Quang Bình Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
144	DTN15530A0074	Nông Thị Mới	15/12/1996	47B-PTNT	Tày	ĐBKK	140,000	Nghiên Loan, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
145	DTN1554140036	Hoàng Thị Hồng Nhung	26/02/1997	47B-PTNT	Tày	ĐBKK	140,000	Lăng Ngâm, Ngân Sơn Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
146	DTN1554140059	Quan Thị Việ	19/01/1997	47B-PTNT	Tày	ĐBKK	140,000	Ngọc Minh, Vị Xuyên Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
147	DTN1554140029	Lò Thị Mai	14/09/1997	47B-PTNT	Thái	ĐBKK	140,000	Thân Thuộc, Tân Uyên Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
148	DTN15530A0144	Quảng Thị Nhàn	03/12/1996	47B-PTNT	Thái	ĐBKK	140,000	Mường Trai, Mường La Sơn La	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
149	DTN15530A0148	Cà Thị Nguyễn	10/06/1996	47B-PTNT	Thái	ĐBKK	140,000	Chiềng Hoa, Mường La Sơn La	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
150	DTN15530A0046	Đặng Thị Hồng	15/05/1996	47B-PTNT	Thái	ĐBKK	140,000	Trí Nang, Lang Chánh Thanh Hóa	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
151	DTN15530A0023	Tổng Thị Diễm	13/04/1996	47B-PTNT	Nùng	ĐBKK	140,000	Mường Tè, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
152	DTN15530A0032	Lò Thị Điều	04/10/1995	47B-PTNT	Thái	ĐBKK	140,000	Mường Tè, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
153	DTN1553140002	Vi Thị Diễm Thương	08/08/1997	47-KN	Cao Lan	ĐBKK	140,000	Kim Phú, Yên Sơn Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
154	DTN1553080006	Triệu Quý Phong	03/05/1997	47-KN	Dao	ĐBKK	140,000	Phúc Lợi, Lục Yên Yên Bái	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
155	DTN1553080007	Thàng Thị Thăm	09/08/1997	47-KN	Nùng	ĐBKK	140,000	Xóm Mần, Xín Mần Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
156	DTN1553080004	Tô Thu Huyền	06/02/1997	47-KN	Tày	ĐBKK	140,000	Xuân Trường, Bảo Lạc Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT
157	DTN1553080017	Lò Thị Thủy	28/05/1997	47-KN	Thái	ĐBKK	140,000	Xuân Lao, TT Mường ăng Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	KT&PTNT

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
158	DTN15530A0097	Triệu Đào Quỳ	15/07/1996	47B-QLTNR	Dao	ĐBKK	140,000	Phúc Yên, Lâm Bình Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
159	DTN15530A0161	Mùa A Cừ	08/08/1996	47B-QLTNR	Mông	ĐBKK	140,000	Na Son, Điện Biên Đông Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
160	DTN15530A0005	Nguyễn Tuấn Bình	16/10/1996	47-LN	Tày	ĐBKK	140,000	Lê Lai,Thạch An Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
161	DTN15530A0031	Lâm Văn Duy	08/02/1996	47-LN	Giáy	ĐBKK	140,000	TT Yên Minh, Yên Minh Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
162	DTN15530A0047	Hứa Thị Hợp	28/08/1996	47-LN	Tày	ĐBKK	140,000	Khang Ninh, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
163	DTN15530A0105	Tráng Sừ	18/12/1996	47-LN	Mông	ĐBKK	140,000	Pna Tẩn- Mường Khương Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
164	DTN15530A0029	Lý Văn Dương	15/12/1996	47-QLTNR	Thái	ĐBKK	140,000	Mường So, Phong Thổ Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
165	DTN15530A0044	Bàn Văn Hợi	21/02/1995	47A-QLTNR	Dao	ĐBKK	140,000	Xuân Sơn, Thanh Sơn Phú Thọ	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
166	DTN1553160050	Đặng Văn Thiệu	01/05/1994	47A-QLTNR	Dao	ĐBKK	140,000	Yên Phong, Bắc Mê Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
167	DTN1553160040	Khoàng Lù Phạ	10/04/1997	47A-QLTNR	Hà Nhì	ĐBKK	140,000	Ka Lăng, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
168	DTN15530A0163	Vì Linh Đa	19/03/1993	47A-QLTNR	Mông	ĐBKK	140,000	Co Mạ, Thuận Châu Sơn La	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
169	DTN15530A0112	Mã Thị Thắm	25/09/1996	47A-QLTNR	Nùng	ĐBKK	140,000	Kiên Mộc, Đình Lập Lạng Sơn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
170	DTN15530A0184	Lò Di Mên	02/09/1996	47A-QLTNR	Phù Lá	ĐBKK	140,000	Giàng Phố, Bắc Hà Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
171	DTN1553160007	Hoàng Linh Chi	12/03/1997	47A-QLTNR	Tày	ĐBKK	140,000	Quang Trung, TP TN Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
172	DTN1553160018	Nguyễn Thị Hậu	09/07/1997	47A-QLTNR	Tày	ĐBKK	140,000	Ân Tình, Na Rì Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
173	DTN15530A0113	Hoàng Thị Thanh	07/08/1993	47A-QLTNR	Tày	ĐBKK	140,000	Hòa Mạc, Văn Bàn Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
174	DTN1553160058	Hứa Thị Hồng Vân	02/10/1997	47A-QLTNR	Tày	ĐBKK	140,000	Trung Lương, Định Hoá Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
175	DTN15530A0156	Lý Phạ Pứ	26/06/1996	47A-QLTNR	Hà nhì	ĐBKK	140,000	Sen Thượng, Mường Nhé Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
176	DTN1553160016	Phùng Thị Giang	12/10/1997	47B-QLTNR	Nùng	ĐBKK	140,000	Khang Ninh , Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
177	DTN15530A0189	Nông Thu Hằng	22/09/1995	47B-QLTNR	Nùng	ĐBKK	140,000	TT Pác Miều, Bảo Bảo Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
178	DTN1553160041	Nông Thị Minh Phương	28/07/1997	47B-QLTNR	Nùng	ĐBKK	140,000	Quảng Khê, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
179	DTN1553160048	Hoàng Thị Thắm	23/02/1997	47B-QLTNR	Nùng	ĐBKK	140,000	Lạng San, Na Rì Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
180	DTN1553160021	Hoàng Thị Hoa	28/09/1997	47B-QLTNR	Tày	ĐBKK	140,000	Nà Chì, Xín Mần Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
181	DTN15530A0082	Lò Văn Nhan	09/10/1996	47B-QLTNR	Thái	ĐBKK	140,000	Chăn Nưa, Mường Lay Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
182	DTN15530A0078	Hoàng Thị Ngoan	20/08/1996	47B-QLTNR	Tày	ĐBKK	140,000	Giaáo Hiệu, Pác Nặm Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
183	DTN15530A0016	Sần Thị Cói	17/07/1995	47B-QLTNR	Nùng	ĐBKK	140,000	Cốc Ly, Bắc Hà Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
184	DTN1553160065	Vũ Đức Tiệp	03/11/1997	47B-QLTNR	Kinh	Mồ côi	100,000	Tân Trịnh, Quang Bình Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
185	DTN1553060010	Lý Văn Dũng	18/09/1996	47-LN	Dao	ĐBKK	140,000	Thổ Bình, Lâm Bình Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
186	DTN1553060078	Pờ Pó Nu	24/06/1997	47-LN	La Hủ	ĐBKK	140,000	Bum Tờ, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
187	DTN15530A0017	Sung Văn Công	21/12/1995	47-LN	Mông	ĐBKK	140,000	Nhi Sơn, Mường Lát Thanh Hóa	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
188	DTN15530A0073	Cháng Mí Minh	16/05/1994	47-LN	Mông	ĐBKK	140,000	Cán Tỷ, Quản Bạ Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
189	DTN15530A0176	Hàng A Sứ	08/09/1996	47-LN	Mông	ĐBKK	140,000	Mường Lý, Mường Lát Thanh Hóa	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
190	DTN1553060021	Tô Thị Hòa	07/11/1997	47-LN	Tày	ĐBKK	140,000	Phương Viên, Chợ Đồn Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
191	DTN1553060017	Quách Thanh Hải	29/08/1997	47-LN	Tày	ĐBKK	140,000	Bộc Bó, Pác Nặm Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
192	DTN1553060080	Nông Thu Hương	28/06/1997	47-LN	Tày	ĐBKK	140,000	Lê Lai, Thạch An Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
193	DTN1553060081	Đinh Thị Nết	29/11/1997	47-LN	Tày	ĐBKK	140,000	Đức Long, Thạch An Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
194	DTN1553060050	Triệu Thị Yển	21/07/1997	47-LN	Tày	ĐBKK	140,000	Đồng Xã, Na Rì Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
195	DTN15530A0110	Quan Văn Thạch	10/06/1994	47-LN	Tày	ĐBKK	140,000	Khuôn Hà, Lâm Bình Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN
196	DTN15530A0164	Giàng A Thái	15/09/1995	47-LN	Mông	ĐBKK	140,000	Tia Dinh, Điện Biên Đông Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	LN

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
197	DTN1553110023	Ma Thị Lâm	24/06/1997	47-KHMT	Tày	ĐBKK	140,000	Yên Thuận, Hàm Yên Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	MT
198	DTN15530A0173	Lý Thị Lim	08/05/1996	47-KHMT	Tày	ĐBKK	140,000	Đồng Phúc, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	MT
199	DTN15530A0121	Đàm Thị Thư	15/08/1996	47-KHMT	Tày	ĐBKK	140,000	Nam Mẫu, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	MT
200	DTN15530A0102	Lương Triệu Sơn	10/06/1996	47A-TT	Tày	ĐBKK	140,000	TT Đồng Văn, Đồng Văn Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
201	DTN15530A0072	Vương Ngọc Mạnh	25/08/1995	47B-TT	Nùng	ĐBKK	140,000	Nghĩa Thuận, Quản Bạ Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
202	DTN15530A0084	Vàng Mí Nhù	05/12/1996	47B-TT	Mông	ĐBKK	140,000	Lũng Hồ, Yên Minh Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
203	DTN1553110018	Nông Thị Huệ	16/09/1996	47A-TT	Nùng	ĐBKK	140,000	Tiên Thành, Phục Hòa Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
204	DTN15530A0102	Lương Triệu Sơn	10/06/1996	47A-TT	Tày	ĐBKK	140,000	Đồng Văn, Đồng Văn Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
205	DTN15530A0167	Văn Đình Khoa	16/06/1996	47A-TT	Tày	ĐBKK	140,000	Thông Nguyên, Hoàng Su Phì Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
206	DTN15530A0089	Lù Mí Páo	20/3/1996	47A-TT	Mông	ĐBKK	140,000	Cán Tỷ, Quản Bạ Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
207	DTN1553070089	Giàng Thị Chư	10/01/1997	47B-TT	Mông	ĐBKK	140,000	Páo Chải, Nậm Loảng Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
208	DTN15530A0087	Giàng Thị Pà	12/05/1996	47B-TT	Mông	ĐBKK	140,000	Cán Tỷ - Quản Bạ Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
209	DTN15530A0088	Giàng Thị Pằng	17/09/1996	47B-TT	Mông	ĐBKK	140,000	Tả Van Chư - Bắc Hà Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
210	DTN1553070079	Nông Thị Khánh Ly	01/08/1997	47B-TT	Tày	ĐBKK	140,000	Thái Cường, Thạch An Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
211	DTN15530A0004	Cư Bằng	15/05/1995	47B-TT	Mông	ĐBKK	140,000	Lầu Thí Ngải, Bắc Hà Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
212	DTN15530A0131	Vương Thị Văn	22/06/1994	47-TT	La chí	ĐBKK	140,000	Bản Diu, Xin Mần Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	NH
213	DTN15530A0093	Triệu Xuân Phát	13/09/1995	47A-QLĐĐ	Dao	ĐBKK	140,000	TT Tam Sơn, Quản Bạ Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
214	DTN15530A0091	Tráng Seo Pề	10/06/1994	47B-QLĐĐ	Mông	ĐBKK	140,000	Van Chư, Bắc Hà Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
215	DTN15530A0137	Triệu Thị Xuyên	01/04/1996	47B-QLĐĐ	Dao	ĐBKK	140,000	Yến Dương, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
216	DTN15530A0045	Triệu Thị Hồng	18/05/1996	47-ĐCMT	Dao	ĐBKK	140,000	Quảng Khê, Ba Bể Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
217	DTN15530A0117	Lò Thị Thiệp	08/10/1995	47-ĐCMT	Thái	ĐBKK	140,000	Mường Tè, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
218	DTN15530A0165	Mua Mí Sừ	19/06/1996	47-ĐCMT	Mông	ĐBKK	140,000	Đường Thượng, Yên Minh Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
219	DTN15530A0049	Lý Ngọc Huệ	12/03/1996	47A-QLĐĐ	Cống	ĐBKK	140,000	Nậm Khao, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
220	DTN1554120114	Phàn Tả Mây	20/10/1995	47A-QLĐĐ	Dao	ĐBKK	140,000	A Lù, Bát Xát Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
221	DTN1554120223	Lò Văn Viên	19/06/1997	47A-QLĐĐ	Giáy	ĐBKK	140,000	Bản Xèo, Bát Xát Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
222	DTN15530A0067	Hà Thị Luyến	24/05/1995	47A-QLĐĐ	Giáy	ĐBKK	140,000	Niêm Tông, Mèo Vạc Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
223	DTN1554120030	Sùng A Dừng	05/06/1997	47A-QLĐĐ	Mông	ĐBKK	140,000	Hứa Ngải, Mường Chà Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
224	DTN1554120040	Lý Thị Đâu	09/12/1997	47A-QLĐĐ	Mông	ĐBKK	140,000	Cổ Linh, Pác Nặm Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
225	DTN1554120268	Sùng Thị Mai	12/06/1997	47A-QLĐĐ	Mông	ĐBKK	140,000	Dào San, Phong Thổ Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
226	DTN1554120119	Hà Thị Trà My	25/12/1996	47A-QLĐĐ	Mường	ĐBKK	140,000	Địch Quả, Thanh Sơn Phú Thọ	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
227	DTN1554120250	Hoàng Văn Quân	01/08/1997	47A-QLĐĐ	Nùng	ĐBKK	140,000	Lộc Yên, Cao Lộc Lạng Sơn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
228	DTN1554120232	Lăng Văn Thanh	02/12/1997	47A-QLĐĐ	Nùng	ĐBKK	140,000	Tân Long, Đồng Hỷ Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
229	DTN1554120113	Lý Văn May	05/09/1997	47A-QLĐĐ	sán Chi	ĐBKK	140,000	Minh Phát, Lộc Bình Lạng Sơn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
230	DTN1554120148	Ma Văn Quý	15/10/1997	47A-QLĐĐ	Tày	ĐBKK	140,000	Trung Hội, Định Hóa Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
231	DTN1554120155	Đồng Thái Sơn	18/08/1997	47A-QLĐĐ	Tày	ĐBKK	140,000	Phú Đình, Định Hoá Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
232	DTN1554120243	Lộc Thủy Tiên	10/11/1997	47A-QLĐĐ	Tày	ĐBKK	140,000	Tân Tri, Bắc Sơn Lạng Sơn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
233	DTN1554120199	Nguyễn Thị Trang	30/05/1997	47A-QLĐĐ	Tày	ĐBKK	140,000	Phúc Lương, Đại Từ Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
234	DTN1554120188	Lù Văn Thiệp	19/08/1997	47A-QLĐĐ	Thái	ĐBKK	140,000	Vàng San, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
235	DTN1554120068	Nguyễn Huy Hoàng	08/02/1997	47A-QLĐĐ	Thổ	ĐBKK	140,000	Yên Lập, Phú Thọ Phú Thọ	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
236	DTN15530A0083	Chang Mé Nhù	04/08/1995	47A-QLĐĐ	Hà nhì	ĐBKK	140,000	Sín Thầu, Mường Nhé Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
237	DTN1554120137	Lương Thị Oanh	09/10/1996	47B-QLĐĐ	Dao	ĐBKK	140,000	Lương Thiện, Sơn Dương Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
238	DTN1554120029	Dương Thị Diệu	23/11/1997	47B-QLĐĐ	Tày	ĐBKK	140,000	TT Hùng Quốc, Trà Lĩnh Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
239	DTN1554120181	Đinh Thị Thương	18/12/1997	47B-QLĐĐ	Tày	ĐBKK	140,000	Hóa Nghĩa, Na Rì Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
240	DTN1554120002	Hoàng Thị Anh	20/06/1997	47B-QLĐĐ	Tày	ĐBKK	140,000	Đường Hồng, Bắc Mê Hà Giang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
241	DTN1554120207	Kà Thị Trường	19/08/1997	47B-QLĐĐ	Thái	ĐBKK	140,000	Vàng San, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
242	DTN15530A0157	Vàng Tuấn Lương	27/01/1996	47B-QLĐĐ	Thái	ĐBKK	140,000	TT. Mường Tè, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
243	DTN15530A0179	Hàng a Da	15/07/1996	47B-QLĐĐ	Mông	ĐBKK	140,000	Mường Lý, Mường Lát Thanh Hóa	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
244	DTN15530A0013	Hạng Páo Chua	26/09/1996	47B-QLĐĐ	Mông	ĐBKK	140,000	Làng Chểu, Bắc Yên Sơn La	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
245	DTN15530A0151	Giàng A Hồng	18/03/1996	47B-QLĐĐ	Mông	ĐBKK	140,000	Mường Khương, Mường Khương Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
246	DTN15530A0152	Vàng Seo Đại	25/08/1996	47B-QLĐĐ	HMông	ĐBKK	140,000	Bản Phố, Bắc Hà Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
247	DTN15530A0138	Ma Thị Yên	16/02/1996	47C-QLĐĐ	Tày	ĐBKK	140,000	Nam Quang, Bảo Lâm Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
248	DTN15530A0166	Giàng A Xá	12/09/1996	47C-QLĐĐ	Mông	ĐBKK	140,000	Tà Tổng, Mường Tè Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
249	DTN1554120200	Công Thị Hà Trang	30/01/1998	47-ĐCMT	Nùng	ĐBKK	140,000	Hoa Thám, Bình Gia Lạng Sơn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
250	DTN1554120055	Cà Thị Hai	11/06/1997	47-ĐCMT	Thái	ĐBKK	140,000	TT Mường Tè, Lai Châu Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
251	DTN15530A0081	Cư Seo Nhà	07/07/1996	47-ĐCMT	Mông	ĐBKK	140,000	Quan Thần Sán, Si Ma Cai Lào Cai	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
252	DTN1554120210	Triệu Anh Tuấn	23/03/1997	47D-QLĐĐ	Dao	ĐBKK	140,000	Quân Chu, Đại Từ Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
253	DTN1554120248	Giàng A Phong	01/03/1997	47D-QLĐĐ	Mông	ĐBKK	140,000	Huổi Lềng, Mường Chà Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
254	DTN1554120269	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/01/1997	47D-QLĐĐ	Sán Chí	ĐBKK	140,000	Phủ Lý, Phú Lương Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
255	DTN1554120134	Cà Văn Nhương	14/04/1996	47D-QLĐĐ	Thái	ĐBKK	140,000	Nậm Tắm, Sìn Hồ Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
256	DTN1558510053	Lý Na Xó	04/03/1997	47-QLTN&MT	Hà Nhì	ĐBKK	140,000	Chung Chải, Mường Nhé Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
257	DTN1558510048	Tao Văn Tun	08/02/1997	47-QLTN&MT	Lự	ĐBKK	140,000	Nậm Tắm, Sìn Hồ Lai Châu	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
258	DTN1558510047	Lầu A Tủa	01/03/1996	47-QLTN&MT	Mông	ĐBKK	140,000	Mường Toong, Mường Nhé Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
259	DTN1558510038	Vàng Thị Sia	24/05/1997	47-QLTN&MT	Mông	ĐBKK	140,000	Si Pa Phìn, Mường Chà Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
260	DTN1558510052	Hà Thị Hồng Xiêm	01/05/1997	47-QLTN&MT	Nùng	ĐBKK	140,000	Tràng Xá, Võ Nhai Thái Nguyên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
261	DTN1558510010	Nông Thị Đông	27/05/1997	47-QLTN&MT	Tày	ĐBKK	140,000	Khuôn Hà, Lâm Bình Tuyên Quang	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
262	DTN15530A0069	Tô Hải Ly	01/02/1996	47-QLTN&MT	Tày	ĐBKK	140,000	Cần Yên, Thông Nông Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
263	DTN1558510043	Ma Thị Thương	07/05/1997	47-QLTN&MT	Tày	ĐBKK	140,000	Yên Cư, Chợ Mới Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
264	DTN1558510004	Đàm Ngọc Châm	01/01/1997	47-QLTN&MT	Tày	ĐBKK	140,000	Phi Hải, Quảng Nguyên Cao Bằng	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
265	DTN1558510019	Trương Thị Huế	20/11/1996	47-QLTN&MT	Tày	ĐBKK	140,000	Hà Vị, Bạch Thông Bắc Cạn	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
266	DTN1558510027	Quảng Thị Lễ	10/03/1997	47-QLTN&MT	Thái	ĐBKK	140,000	Búng Lao, Mường Ảng Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
267	DTN1558510041	Lò Thị Thảo	26/04/1997	47-QLTN&MT	Thái	ĐBKK	140,000	Sam Mứn, Điện Biên Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
268	DTN1558510040	Khoảng Văn Thành	11/10/1997	47-QLTN&MT	Thái	ĐBKK	140,000	Lay Nưa, Mường Lay Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
269	DTN1658510070	Sùng A Lệnh	16/3/1996	47-QLTN&MT	Mông	ĐBKK	140,000	Tủa Thàng, Tủa Chùa Điện Biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN
270	DTN15530A0026	Vàng A Dơ	15/10/1992	47-QLTN&MT	Mông	ĐBKK	140,000	Trung Thu, Tủa Chùa Điện biên	Từ kỳ I, 2015-2016 đến hết khóa học	QLTN

Ấn định: 270 SV, trong đó:

- Khu vực ĐBKK 267 sv x 140.000 x 5 tháng = 186,900.000đ

Người lập danh sách

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
----	--------------	-----------	-----------	-----	---------	-----------	----------------	---------	-----------	------

- Con mô cô 03 sv x 100.000 x 5 tháng = 1.500.000đ

Tổng cộng: **188.400.000đ**

Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Đỗ Thị Dương

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 47 THUỘC HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO

HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI KỲ I, NĂM HỌC 2015-2016

(Kèm theo Quyết định số: 1565/QĐ-ĐHNL-HSSV ngày 30 tháng 11 năm 2015)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Hộ khẩu	Thời gian	Khoa
1	DTN1553150009	Lê Thảo Nhi	09/10/1997	47-CNSH	Kinh	Hộ nghèo	100,000	Trung Hội, Định Hóa Thái Nguyên	Kỳ I, 2015-2016.	CNSH
2	DTN1553050156	Bạch Thị Mai	23/11/1997	47-DTY	Kinh	Hộ nghèo	100,000	Quỳnh Phương, Hoàng Mai Nghệ An	Kỳ I, 2015-2016	CNTY
3	DTN1554110023	Nguyễn Thị Hoa	16/11/1997	47A-KTNN	Kinh	Hộ nghèo	100,000	TT Hùng Sơn, Đại Từ Thái Nguyên	Kỳ I, 2015-2016.	KT&PTNT
4	DTN1553080005	Vũ Thị Thanh Nga	06/01/1997	47-KN	Kinh	Hộ nghèo	100,000	Sơn Phú, Định Hóa Thái Nguyên	Kỳ I, 2015-2016.	KT&PTNT
5	DTN1553160051	Nguyễn Văn Toàn	04/04/1996	47A-QLTNR	Kinh	Hộ nghèo	100,000	Yên Lạc, Phú Lương Thái Nguyên	Kỳ I, 2015-2016.	LN
6	DTN1554290038	Trần Đại Hiệp	25/09/1997	47-KH&QLMT	Kinh	Hộ nghèo	100,000	Quan Triều, TPTN Thái Nguyên	Kỳ I, 2015-2016.	QLTN

Tổng cộng : 6 sv x 100.000đ x 4 tháng = 2.400.000đ

Số tiền bằng chữ: Hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./.

Người lập danh sách

Đỗ Thị Dương

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, typical of notebook paper or a form designed for writing multiple lines of text. There are no margins, text, or other markings on the page.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]
